

Bản án số: 70/2021/HSPT

Ngày: 18-01-2021

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Tồn**

*Các thẩm phán:* Ông **Trần Quốc Cường**

Ông **Đặng Kim Nhân**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Kiều, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Đoàn Minh Lộc, Kiểm sát viên.

Vào ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 78/2020/TLPT-HS ngày 30 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo **Phan Trung S** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2020/HS-ST ngày 26-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

**- Bị cáo kháng cáo:**

**PHAN TRUNG S**, sinh ngày 15 tháng 7 năm 1994 tại tỉnh Quảng Nam; Nơi ĐKNKTT: thị trấn Đ, huyện Q, Quảng Nam; Chỗ ở hiện nay: tổ 49, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Nhân viên tư vấn bảo hiểm; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Phan Đình V (s) và bà Võ Thị Như Q1 (s); Gia đình có 02 người con, bị cáo là con thứ hai.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt giam ngày 18/11/2019. Có mặt.

**-Người bào chữa cho bị cáo Phan Trung S:** Bà **Lê Thị Hồng T1** - Luật sư VPLS Lê Thị Hồng T1 thuộc đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng, bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu của Tòa án. Có mặt.

- **Nguyên đơn dân sự:** Công ty Bảo hiểm nhân thọ D Việt Nam; Trụ sở: Toà nhà D1, 149-151 đường N1, quận P, thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo ủy quyền: ông **Đặng Trung H1**, sinh năm 1994, trú tại số 07/5D đường L, phường L1, quận T2, Thành phố Hồ Chí Minh; Chức vụ là nhân viên pháp chế. Vắng mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có những người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Trung S ký hợp đồng làm đại lý bảo hiểm cho Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ D Việt Nam (Công ty 100% vốn nước ngoài), có mã số nhân viên: 420677, văn phòng Tổng đại lý Công ty D địa chỉ: 219 đường T2, Đà Nẵng. Ngày 01/5/2017, S được Công ty D ký hợp đồng bổ sung để bổ nhiệm làm Trưởng nhóm kinh doanh. S được giao công việc là tìm kiếm, tư vấn cho khách hàng mua bảo hiểm nhân thọ, sau đó tiếp tục hỗ trợ thu phí, duy trì hợp đồng bảo hiểm hằng năm để nộp về cho công ty. Theo quy định của Công ty D, mỗi nhân viên được cấp 02 quyển phiếu thu tiền có ký hiệu DT (dùng cho thu phí bảo hiểm, đầu tiên) và PT (dùng cho kỳ thu phí bảo hiểm tiếp theo) và phiếu thu có mã số riêng, công ty có quy định nghiêm cấm việc các nhân viên sử dụng phiếu thu của nhau để thu tiền khách hàng do mình quản lý.

Đầu năm 2019, do nợ nần không có tiền để trả, S nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền phí đóng bảo hiểm hằng năm của những khách hàng do S quản lý để trả nợ. S nói với Trần Quang M (sn 1992, trú: xã Q2, thị xã B, tỉnh Quảng Bình), Ngô Thanh Q3 (sn 1994, trú: phường A, thành phố T2, tỉnh Quảng Nam) và Nguyễn Đức D1 (sn 1994, trú: K187/11 đường T3, thành phố Đà Nẵng) là những người làm cùng nhóm kinh doanh và do S phụ trách, cho S mượn phiếu thu để thu tiền khách hàng, S nói phiếu thu của S đã hết nhưng chưa được cấp lại, khi được cấp S sẽ báo công ty huỷ phiếu thu cũ đã mượn của M, Quang và D1, tin lời S nên M, Quang và D1 đồng ý.

Sau khi sử dụng hết phiếu thu tiền do Công ty D phát hành, S đã lên lấy mẫu phiếu thu số PT/05 3022454 của chị Phan Thị D2 M1 (chị gái S và làm cùng công ty) đem đến tiệm in ấn T4 tại ngã tư Đường L3 - Quang Trung, tp Đà Nẵng để đặt làm giả 02 quyển phiếu thu tiền, mỗi quyển phiếu thu gồm 05 tờ, mỗi tờ có 02 liên giống với mẫu phiếu thu của Công ty D để sử dụng.

Qua điều tra xác định Phan Trung S đã thu tiền của nhiều khách hàng và chiếm đoạt, cụ thể:

1/ Chiếm đoạt của chị Trương Thị Mỹ Th (sinh năm 1983, trú 32-34 đường Đ1, thành phố Đà Nẵng) số tiền 344.800.000 đồng.

Đầu tháng 01/2019 (không rõ ngày), Phan Trung S đến nhà chị Trương Thị Mỹ Th yêu cầu nộp phí duy trì hợp đồng bảo hiểm năm thứ 2. S sử dụng phiếu thu tiền số PT/052943911 của Trần Quang M ghi thu của chị Th số tiền 172.469.500 đồng. Thực tế S nhận từ chị Th số tiền 172.400.000 đồng, số tiền này S dùng để trả nợ vay cho người có tên Cường (không rõ lai lịch, địa chỉ).

Đến ngày 23/01/2019, do cần tiền sử dụng cá nhân, S điện thoại cho chị Th nói nộp trước tiền bảo hiểm năm thứ 3 giúp S đạt doanh số cuối năm để được tăng lương và nhận thưởng, S sẽ chiết khấu 10% và tặng máy giặt cho chị Th, tin lời nói của S nên chị Th đã đồng ý nộp cho S số tiền 172.400.000 đồng. S sử dụng phiếu thu số PT/052944134 của Ngô Thanh Q3 ghi thu số tiền 172.469.500 đồng, số tiền chiếm đoạt S khai để đánh số đề với người phụ nữ tên Thanh ở kiệt 168 đường N2 phường A, quận S1, thành phố Đà Nẵng và đã thua hết. Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng không xác định được lai lịch địa chỉ của người phụ nữ này.

2/ Chiếm đoạt của ông Huỳnh Ngô P1 (sinh năm 1971, trú tại: 42 đường A2, phường M2, quận N3, thành phố Đà Nẵng) số tiền 30.412.000 đồng.

Tháng 3/2019 (không rõ ngày) S liên hệ và nói dối với Huỳnh Ngô P1 là đóng phí bảo hiểm năm thứ 2 sớm hơn quy định sẽ được tặng phiếu quà trị giá 500.000 đồng, tin lời nói của S nên anh P1 đồng ý. S đã dùng phiếu thu tiền số PT/052944135 của Ngô Thanh Q3 ghi thu số tiền 30.912.000 đồng, thực tế S thu 30.412.000 đồng, số tiền này S sử dụng tiêu xài hết.

3/ Chiếm đoạt của chị Hồ Thị Ngọc D2 (sinh năm 1978, trú 72 đường N4, thành phố Đà Nẵng) số tiền 15.000.000 đồng.

Đầu tháng 3/2019, S liên hệ với chị D2 nói dối nộp phí bảo hiểm sớm sẽ được chiết khấu 10%, chị D2 đồng ý. S sử dụng phiếu thu tiền số DT/052145806 của Nguyễn Đức D1 để thu và chiếm đoạt của chị D2 số tiền 15.000.000 đồng (Phiếu ghi 16.704.000 đồng), số tiền này S sử dụng tiêu xài hết.

4/ Chiếm đoạt của anh Nguyễn Quốc A3 (sinh năm 1978, trú: khối 3, thị trấn N4, tỉnh Quảng Nam) số tiền 50.838.000 đồng.

Tháng 3/2019, S sử dụng phiếu thu tiền số DT/052145809 của Nguyễn Đức D1 để thu của anh A3 số tiền 50.838.000 đồng và anh A3 đã nhờ bạn là chị

Phạm Thị H1 (sn 1981, trú 203 đường V, phường H2, quận C, thành phố Đà Nẵng) giao tiền cho S, số tiền này S sử dụng tiêu xài hết.

5/ Chiếm đoạt của anh Lê Thanh T5 (sinh năm 1981, trú: 672/15 đường T6, thành phố Đà Nẵng) số tiền 14.500.000 đồng.

Tháng 3/2019, S liên hệ và nói dối với anh T5 nộp phí bảo hiểm sớm sẽ được chiết khấu 10%, anh T5 đồng ý. S sử dụng phiếu thu số DT/052145618 của Ngô Thanh Q3 để thu và chiếm đoạt của anh T5 số tiền 14.500.000 đồng (Phiếu thu ghi 16.026.000 đồng), số tiền này S sử dụng tiêu xài hết.

6/ Chiếm đoạt của anh Lê Văn T7 (sinh năm 1976, trú: 41-43-45 đường K, phường N5, quận S1, tp Đà Nẵng) số tiền 32.900.000 đồng.

Tháng 2/2019, S liên lạc và nói dối với anh T7 là nộp phí bảo hiểm năm thứ 3 sớm giúp S chạy doanh số và sẽ được giảm 500.000 đồng, anh T7 đồng ý. S sử dụng phiếu thu số PT/052944132 của anh Ngô Thanh Q3 để thu và chiếm đoạt của anh T7 số tiền 33.421.000 đồng. Thực tế S chỉ thu của anh T7 32.900.000 đồng, số tiền này S sử dụng tiêu xài hết.

7/ Chiếm đoạt của chị Vương Thị Mỹ G (sinh năm 1975, trú: K59/25 đường N4, Đà Nẵng) số tiền 15.378.000 đồng.

Với thủ đoạn tương tự, S sử dụng phiếu thu tiền số DT/052145619 của Ngô Thanh Q3 ghi thu số tiền 15.378.000 đồng. Thực tế, S thu và chiếm đoạt của chị G số tiền 14.500.000 đồng sau khi trừ đi 5% tiền chiết khấu, số tiền này S sử dụng tiêu xài hết.

8/ Chiếm đoạt của chị Đặng Thị C1 (sinh năm 1966, trú: tổ 07, phường K1, quận N3, Đà Nẵng) số tiền 135.302.100 đồng.

Ngày 30/7/2018, chị Đặng Thị C1 đã mua bảo hiểm nhân thọ cho anh Thái Quang D2 (sn 1993, trú phường K1, quận N3, thành phố Đà Nẵng là con trai của chị C1). Đến ngày 29/4/2019, S liên lạc và nói dối với chị C1 nộp phí bảo hiểm sớm sẽ được chiết khấu 10%, chị C1 đồng ý. S dùng phiếu thu tiền số DT/052145620 của Ngô Thanh Q3 ghi thu số tiền 30.302.100 đồng. Thực tế, S thu và chiếm đoạt của chị C1 số tiền 27.000.000 đồng.

Ngày 26/3/2019, S đến gặp và nói dối với chị Đặng Thị C1 là đang cần tiền nộp trước cho khách hàng để được nhận thưởng và mượn của chị C1 số tiền 70.000.000 đồng hẹn 20 ngày trả, S hứa hẹn tặng cho chị C1 04 máy giặt.

Ngày 04/4/2019, với thủ đoạn trên, S mượn tiếp của chị C1 số tiền 35.000.000 đồng và hứa tặng bà Chi một chuyến du lịch nước ngoài.

Toàn bộ số tiền chiếm đoạt của chị C1, S sử dụng tiêu xài hết.

9/ Chiếm đoạt của chị Dương Thị H3 (sinh năm 1984, trú: 133A, đường Tr, phường C2, thành phố H4, tỉnh Quảng Nam) số tiền 20.000.000 đồng.

Tháng 5/2019, S sử dụng phiếu thu tiền số DT/052145617 của Ngô Thanh Q3 để thu và chiếm đoạt của chị H3 số tiền 20.000.000 đồng sau khi trừ 5% chiết khấu (phiếu thu ghi 21.000.000 đồng). Số tiền này S sử dụng tiêu xài hết.

10/ Chiếm đoạt của chị Lý Thị Ngọc Tr1 (sinh năm 1966, trú: 91 đường Ng, phường M3, thành phố H4, tỉnh Quảng Nam) số tiền 18.838.000 đồng.

Ngày 06/6/2019 S liên lạc và nói dối với chị Tr1 nói nộp tiền phí bảo hiểm năm thứ 3 sớm giúp S đạt doanh số và S sẽ trừ lại cho chị Tr1 2.000.000 đồng, chị Tr1 đồng ý. S sử dụng phiếu thu tiền không theo mẫu của công ty nên chị Tr1 thắc mắc, S giải thích do thu tiền sớm nên phải dùng tạm mẫu phiếu thu này. S đã thu và chiếm đoạt của chị Tr1 số tiền 18.830.000 đồng (Phiếu thu ghi 20.883.700 đồng). Số tiền này S tiêu xài hết.

11/ Chiếm đoạt của chị Huỳnh Thị Phương T8 (sinh năm 1985 trú tại 353/42 Cách mạng tháng tám, quận C, Đà Nẵng) số tiền 52.315.000 đồng.

Ngày 06/7/2019, S liên hệ và nói dối với chị T8 là nộp sớm tiền bảo hiểm năm thứ 2 để được chiết khấu 20%, chị T8 đồng ý. Theo yêu cầu của S, chị T8 chuyển vào tài khoản số 103006376006 của Phạm Ngọc Q4 (sn 1995, trú tổ 13, phường P3, thị xã H5, tỉnh Thừa Thiên Huế, là bạn của S) mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Đà Nẵng, số tiền 28.815.000 đồng.

Đến ngày 12/7/2019, S tiếp tục liên hệ với chị T8 nói nộp tiền phí bảo hiểm năm thứ 3 để giúp S chạy doanh số và được chiết khấu cao hơn, chị T8 đồng ý và chuyển vào tài khoản nêu trên số tiền 23.500.000 đồng.

S sử dụng 02 phiếu thu tiền giả số PT/053022454 ghi thu số tiền 34.715.000 đồng/01 phiếu để giao cho chị T8. Số tiền này S sử dụng tiêu xài hết.

12/ Chiếm đoạt của anh Phạm Đ2 (sinh năm 1970, trú: 12 đường P3, thành phố H4, tỉnh Quảng Nam) số tiền 16.352.000 đồng.

Với thủ đoạn tương tự, S liên lạc và nói dối với anh Phạm Đ2 nộp phí bảo hiểm năm thứ 2 sớm để được chiết khấu 2.000.000 đồng, anh Đ2 đồng ý. S dùng phiếu thu giả số PT/053022454 để thu và chiếm đoạt số tiền 16.352.000 đồng (phiếu thu ghi 18.352.000 đồng), số tiền này S sử dụng tiêu xài hết.

13/ Chiếm đoạt của Lê Thị Lệ Th2 (sinh năm 1956, trú K32/32 đường P4, quận T9, tp Đà Nẵng) số tiền 11.344.000 đồng.

Năm 2018, chị Lê Thị Lệ Th2 mua bảo hiểm cho con trai là Phạm Ngọc Ph (sn 1988). Đến ngày 20/7/2019, S liên hệ và nói dối với chị Th2 là nộp tiền bảo hiểm năm thứ 2 sớm sẽ được thưởng 1/2 chỉ vàng, chị Th2 đồng ý. S sử

dụng phiếu thu giả số PT/053022454 ghi số tiền theo hợp đồng là 13.244.00 đồng (số tiền S thu thực tế là 11.344.000 đồng), số tiền này S sử dụng tiêu xài hết.

14/ Tương tự với các hành vi nêu trên, S sử dụng phiếu thu giả cùng số seri nêu trên để thu và chiếm đoạt của:

- Chị Võ Thùy Linh Đ3 (trú thôn A3, xã H6, huyện H7, thành phố Đà Nẵng) số tiền 30.050.000 đồng;

- Chị Trần Thị Thùy Tr2 (sn 1978, trú 75 đường H8, phường A4, quận S1, thành phố Đà Nẵng) số tiền 36.000.000 đồng (số tiền ghi theo hợp đồng là 40.518.000 đồng);

- Chị Trần Thị Hoàng L1 (sn 1990, trú tổ 24, phường A4, quận S1, thành phố Đà Nẵng), chị Ly mua bảo hiểm cho anh Phạm Bảo H9 (sn 1985) số tiền 35.900.000 đồng (số tiền ghi theo hợp đồng là 35.978.000 đồng).

- Chị Nguyễn Thị Hoàng T8 (sn 1985, trú K1/02 đường L2, phường Hx1, quận H, thành phố Đà Nẵng) số tiền 14.800.000 đồng.

Như vậy, Phan Trung S đã chiếm đoạt của 17 bị hại nêu trên với tổng số tiền là 870.550.000 đồng.

Vật chứng tạm giữ:

- 09 phiếu thu tiền liên 2 (liên màu hồng) do Công ty D cấp Ngô Thanh Q3, Nguyễn Đức D1 và Trần Quang M.

- 08 phiếu thu tiền (liên màu hồng) do Phan Trung S đặt in tại Công ty T4 có cùng kí hiệu PT/053022454.

- 01 phiếu thu (màu hồng) có tên người nộp tiền Lý Thị Ngọc Tr1.

Kết quả giám định tài liệu:

- Tại Bản kết luận giám định số 267/C09C (Đ6) ngày 09/4/2020 của Phân viện Kỹ thuật hình sự Bộ Công an đã kết luận: Hình dấu tròn mang tên Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ D Việt Nam trên 08 phiếu thu giám định (số PT/053022454) là hình dấu giả, được tạo ra bằng phương pháp in màu, không phải được đóng ra trực tiếp bằng một con dấu.

- Tại Bản kết luận giám định số 504A ngày 30/6/2020 của Phân viện Kỹ thuật hình sự Bộ Công an đã kết luận: 08 phiếu thu tiền cần giám định (kí hiệu từ AI đến A8) với các phiếu thu tiền mẫu so sánh do Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ D Việt Nam cung cấp không phải được in ra cùng một chế bản in.

Đối với các phiếu thu giả trên, Công ty T4, (địa chỉ: 118 Đường L3, quận H, thành phố Đà Nẵng) cung cấp: Ngày 28/6/2019 anh Trần Anh T11 (sn 1989,

trú khối phố 6, phường A5, thành phố T12, tỉnh Quảng Nam, là nhân viên của Công ty) là người tiếp nhận và in màu phiếu thu tiền số PT/053022454 có dấu đỏ của công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ D gồm 10 tài liệu (loại 02 liên màu trắng và hồng) cho khách hàng lẻ tên S, số điện thoại 0708008123. Tuy nhiên, Công ty không biết Trần Anh T11 nhận in những tài liệu có dấu hiệu vi phạm nêu trên và hiện nay T11 đã nghỉ việc tại công ty vào tháng 9/2019.

Xác minh tại nơi đăng ký thường trú của Trần Anh T11, Công an phường A5, thành phố T12 cung cấp hiện nay T11 đã bán nhà đi khỏi địa phương và không rõ đi đâu.

Về trách nhiệm dân sự:

- Sau khi phát hiện Phan Trung S chiếm đoạt tiền phí bảo hiểm của khách hàng, công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ D Việt Nam đã giải quyết áp phí vào tài khoản của hợp đồng khách hàng số tiền: 759.452.000 đồng (Chưa giải quyết trường hợp của hợp đồng bảo hiểm ông Phạm Bảo H9 với số tiền 35.978.000 đồng). Công ty D có yêu cầu Phan Trung S trả lại cho Công ty số tiền S đã chiếm đoạt của những người bị hại mà Công ty đã giải quyết áp phí cho những người này.

- Phan Trung S đã trả lại cho chị Lý Thị Ngọc Tr1 5.000.000 đồng, chị Trần Thị Hoàng T8 7.400.000 đồng, bà Đặng Thị C1 10.000.000 đồng.

- Phan Trung S đã tác động gia đình nộp số tiền 70.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2020/HS-ST ngày 26/9/2020, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:*

Tuyên bố bị cáo **Phan Trung S** phạm các tội: ***'Lừa đảo chiếm đoạt tài sản'*** và tội ***"Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"***

Căn cứ: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 55 BLHS.

**Xử phạt:** Bị cáo **Phan Trung S 08 (Tám) năm** tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và **03 (Ba) năm** tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt chung của cả 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành là **11 (Mười một) năm** tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 18/11/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/10/2020, bị cáo Phan Trung S có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Phan Trung S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thừa nhận bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” theo điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không oan. Tuy nhiên bị cáo cho rằng mức án sơ thẩm xử phạt bị cáo 08 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” là quá nặng, xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 18/01/2021, Cấp phúc thẩm nhận được đơn bãi nại tiền bồi thường của Bị cáo và công ty nên xin giảm nhẹ hình phạt của: Huỳnh Ngô P1, Trần Thị Thùy Tr2, Phạm Bảo H9, Trương Thị Mỹ Th, Nguyễn Thị Hoàng T8, Dương Thị H3, Lê Thành T5, Phạm Đ2 và Lý Ngọc Tr1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa có quan điểm giải quyết vụ án như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo Phan Trung S đúng chủ thể, trong hạn luật định nên đảm bảo hợp lệ. Về nội dung: Án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” theo điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không oan. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, tuy nhiên xét thấy cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được hưởng, xử phạt bị cáo 08 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” là phù hợp, không nặng. Sau khi xử sơ thẩm có một số bị hại xin bãi nại có nhận bồi thường, nhưng thực chất công ty trực tiếp bồi thường. Vì vậy nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo giữ y án sơ thẩm.

Luật sư Lê Thị Hồng T1 bào chữa cho bị cáo thống nhất về tội danh mà cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo, tuy nhiên cho rằng mức án sơ thẩm xử phạt bị cáo là có phần nghiêm khắc. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi; tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Phan Trung S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định: Phan Trung S ký hợp đồng làm đại lý bảo hiểm cho Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ D Việt Nam. Đầu năm 2019, do nợ nần không có tiền để trả, S nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền phí đóng bảo hiểm hằng năm của những khách hàng do S quản lý. Để



chiếm đoạt được tài sản của các bị hại, S dùng thủ đoạn gian dối đưa thông tin sai sự thật về việc đóng phí bảo hiểm cho khách hàng để được thưởng, được tặng quà, được chiết khấu ..., làm cho những người này tin là thật nên đã đóng phí bảo hiểm cho S, cho S mượn tiền và S đã chiếm đoạt tiền phí bảo hiểm cũng như tiền vay của 17 người bị hại với tổng số tiền là 870.550.000 đồng. Để thực hiện hành vi lừa đảo nêu trên, Phan Trung S đã làm giả 02 quyển phiếu thu tiền, mỗi quyển phiếu thu gồm 05 tờ, mỗi tờ có 02 liên giống với mẫu phiếu thu của Công ty D và S đã sử dụng hết 08 tờ, chiếm đoạt được số tiền 196.761.000 đồng (trong số tiền 870.550.000 đồng).

Với hành vi trên tại bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo Phan Trung S về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự 2015, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phan Trung S thì thấy: Để có tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ bị cáo đã dùng nhiều thủ đoạn gian dối, đồng thời làm giả 02 quyển phiếu thu của Công ty Bảo hiểm D để chiếm đoạt tiền của 17 người bị hại với tổng số tiền là 870.550.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác và xâm phạm trật tự quản lý hành chính Nhà nước và xâm phạm sự hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội. Do đó, đối với bị cáo cần xử phạt nghiêm, cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, xử phạt bị cáo mức án 08 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” là nhẹ, đã dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Sau khi xét xử sơ thẩm. Ngày 18/1/2021, Các bị hại: Huỳnh Ngô P1, Trần Thị Thùy Tr2, Phạm Bảo H9, Trương Thị Mỹ Th, Nguyễn Thị Hoàng T8, Dương Thị H3, Lê Thành T5, Phạm Đ2 và Lý Ngọc Tr1, có đơn bãi nại nhận tiền bồi thường của Bị cáo và Công ty, nên xin giảm nhẹ hình phạt cho Phan Trung S. Tuy nhiên, Tại phiên tòa hôm nay bị cáo và Gia đình thừa nhận thực tế phía Công Ty có bồi thường cho các bị hại để duy trì các hợp đồng bảo hiểm, thực chất bị cáo và gia đình chưa khắc phục đồng nào từ sau khi xử sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

[3] Về dân sự: Đối với số tiền Công Ty đã bồi thường cho các bị hại sẽ được khấu trừ trong giai đoạn thi hành án. Nếu phía Công Ty có yêu cầu Phan Trung S phải hoàn trả lại số tiền nêu trên, thì khởi kiện vụ án dân sự độc lập theo qui định của pháp luật.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị cáo chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Căn cứ vào:** Điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Trung S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a khoản 3 Điều 341; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 khoản 1 Điều 54; Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Phan Trung S** phạm các tội: ***'Lừa đảo chiếm đoạt tài sản'*** và tội ***"Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"***.

**Xử phạt:** Bị cáo **Phan Trung S 08 (Tám) năm** tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và **03 (Ba) năm** tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của cả 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành là **11 (Mười một) năm** tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 18/11/2019.

2. Về án phí: Bị cáo Phan Trung S phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Công an thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Phạm Tồn**